

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 15-5-2024  
V/v tranh chấp không công nhận  
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Hữu Chung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Kim Thu;

Ông Nguyễn Văn Lập.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Y; địa chỉ: Số 23 L, phường Hoàng Văn Th, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Trương Đức Tr; địa chỉ: Số 23 L, phường Hoàng Văn Th, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Bà Nguyễn Thị Y và ông Trương Đức Tr chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1997. Tuy nhiên, do không am hiểu pháp luật nên bà Y và ông Tr

không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, giữa bà Y và ông Tr phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, nhiều lần cãi nhau và đã không chung sống cùng nhau từ năm 2000. Đến nay, xác định tình cảm không còn, không có khả năng chung sống cùng nhau nên bà Y yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trương Đức Tr.

Về con chung: Có 01 con chung là Trương Thị Thu Tr, sinh năm 1998. Hiện nay, chị Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trương Đức Tr sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án đã gửi bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Nguyễn Thị Y như sau: Ông Tr thừa nhận giữa ông Tr và bà Y xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và chung sống với nhau từ năm 1997. Sau khi về chung sống với nhau, do không hiểu biết nên ông Tr và bà Y không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau một thời gian chung sống cùng nhau tại địa chỉ số 23 L, phường Hoàng Văn Th, quận HB thì ông Tr và bà Y phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách, hay xảy ra cãi nhau và đã không chung sống cùng nhau từ năm 2000. Ông Tr đồng ý với quan điểm của bà Y về việc đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Tr và bà Y.

Về con chung: Ông Tr xác nhận giữa ông Tr và bà Y có 01 con chung là Trương Thị Thu Tr, sinh năm 1998. Hiện nay, chị Tr đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nội dung đơn thể hiện vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không có yêu cầu, đề nghị nào khác.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng

cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trương Đức Tr chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1997. Tuy nhiên, do không am hiểu pháp luật nên bà Y và ông Tr không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông Tr không hợp pháp theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Y và ông Trương Đức Tr.

Về con chung: Bà Y và ông Tr có 01 con chung là Trương Thị Thu Tr, sinh năm 1998. Hiện nay, chị Tr đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không xem xét giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trương Đức Tr không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Đơn khởi kiện và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Trương Đức Tr và bà Nguyễn Thị Y cư trú trên địa bàn phường Hoàng Văn Th, quận HB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Y với bị đơn là ông Trương Đức Tr thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 31 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trương Đức Tr chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1997. Tuy nhiên, do không am hiểu pháp luật nên bà Y và ông Tr không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”. Do đó, quan hệ giữa bà Y và ông Tr không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà Y và ông Tr phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không chung sống cùng nhau từ năm 2000. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Không công nhận bà Nguyễn Thị Y và ông Trương Đức Tr là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Y và ông Tr có 01 con chung là Trương Thị Thu Tr, sinh năm 1998. Hiện nay, chị Tr đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trương Đức Tr không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238, Điều 271 và điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Y và ông Trương Đức Tr là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trương Đức Tr có 01 con chung là Trương Thị Thu Tr, sinh năm 1998. Hiện nay, chị Tr đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trương Đức Tr không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002535, ngày 01-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bà Nguyễn Thị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường Hoàng Văn Thụ;
- UBND phường Đa Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hữu Chung**